

ĐỊNH HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn ngọc Trân¹
nntran2010@gmail.com

1. Hai sự chỉ đạo vẫn còn nguyên giá trị

Trong quá trình triển khai Chương trình khoa học cấp nhà nước “*Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long*” (1983-1990), Ban Chủ nhiệm Chương trình đã nhận được sự chỉ đạo sát sao.

Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp luôn căn dặn: ĐBSCL là một vùng đất *đầy tiềm năng* nhưng là một *châu thổ trẻ, rất mẫn cảm với mọi tác động lên nó*. Cần phải theo dõi đồng bằng một cách *khách quan và khoa học*. Chương trình cần xem xét *cơ sở khoa học* của các quyết định khai thác ĐBSCL.

Với tầm nhìn chiến lược của Đại tướng, tôi hiểu rằng các tác động lên đồng bằng là các tác động *tại chỗ và từ xa, từ thượng nguồn và từ biển*, cần được tiếp cận theo quan điểm *hệ thống và động*. Có nghĩa là hậu quả của các tác động cần được *đánh giá toàn diện, trong không gian và theo thời gian*.

Từ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt: Chương trình phải nói cho được trên mỗi vùng đất của đồng bằng, chúng ta có thể khai thác *như thế nào, với những điều kiện gì*. Chương trình phải gắn với các tỉnh. Nghiệm thu tại cơ sở, được kiểm nghiệm trên hiện trường, kết quả sẽ trực tiếp đi vào cuộc sống.

Tôi hiểu qua lời căn dặn rằng công tác tổng hợp các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội là cần thiết để “*hiểu*” được thực tế. Mọi quyết định khai thác đồng bằng luôn có *hai mặt*, Chương trình phải chỉ ra các điều kiện gì để mặt *thuận* hơn hẳn mặt *ngịch*, tổng hợp trên cả ba mặt *kinh tế, xã hội và môi trường, trước mắt và lâu dài*, để lãnh đạo có cơ sở cân nhắc, quyết định.

Thật là may mắn cho Chương trình đã nhận được hai ý kiến chỉ đạo ở hai đầu của lộ trình đi từ điều tra nghiên cứu khoa học đến phục vụ sản xuất và đời sống, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Xin được chia sẻ với những ai quan tâm đến sự phát triển bền vững vùng đất này của Tổ quốc.

2. Các thách thức mà ĐBSCL đang và sẽ phải đối diện

Hiện nay và trong thời gian tới, ĐBSCL phải đương đầu với *hai thách thức toàn cầu, một thách thức khu vực và thách thức từ chính hoạt động của con người tại đồng bằng*².

¹ Giáo sư Tiến sĩ khoa học, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHKT nhà nước, Chủ nhiệm Chương trình khoa học nhà nước *Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long* (1983-1990), Đại biểu Quốc hội khóa IX, X, XI.

² NGUYỄN NGỌC TRÂN (2016), *Đồng bằng sông Cửu Long, Thách thức hôm qua và hiện tại. Nhận thức và hành động*, Trình bày dẫn đề tại Hội nghị quốc tế *Sử dụng bền vững tài nguyên nước sông Mekong*, Cần Thơ, 23-24.4.2016.

+ *Toàn cầu*, đó là *biến đổi khí hậu*, *nước biển dâng*, và *toàn cầu hóa kinh tế*, *hội nhập quốc tế*.

Theo dự báo toàn cầu, nhiệt độ trung bình của khí quyển sẽ tăng; các tình huống cực đoan sẽ diễn ra thường xuyên hơn, thời gian kéo dài và cường độ ngày càng mạnh. Bão trong vùng cận xích đạo sẽ nhiều hơn. Mực nước biển dâng uy hiếp các vùng ven biển và các châu thổ, trong đó châu thổ sông Mekong là một trong ba địa bàn bị đe dọa nhất. ĐBSCL phải đối đầu với *ngập, lún chìm, bờ biển bị xâm thực*, và *mặn theo triều xâm ngày càng nhập sâu vào nội đồng*.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố “*Kịch bản Biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam*” năm 2009 và cập nhật vào các năm 2012 và 2016.

Lượng mưa trung bình, nhiệt độ trung bình năm sẽ tăng. Có một sự phân hóa khá rõ về nhiệt độ cũng như về lượng mưa giữa các mùa Đông, Xuân, Hè, Thu. Nước biển sẽ dâng, vào năm 2100, theo dự báo năm 2016 từ 53 đến 73 cm.

Trong bối cảnh bị đe dọa như vậy, thách thức từ hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế buộc nền kinh tế đồng bằng phải có *sức cạnh tranh cao hơn* và phải có *chỗ đứng trong chuỗi giá trị toàn cầu* trong khi nền kinh tế thế giới hàm chứa những yếu tố bất ổn không lường trước được. Thách thức này tuy gián tiếp nhưng áp lực của nó lên sản xuất và khai thác tài nguyên rất lớn và cụ thể.

+ *Thách thức khu vực* đó là việc khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn châu thổ, trong đó có việc *chuyển nước Mekong sang lưu vực sông khác*, và nhất là việc *khai thác thủy điện* trên dòng chính sông Mekong từ cao nguyên Tây tạng trở xuống, trong khi *nhu cầu về nước ngày càng tăng* trước sức ép gia tăng dân số và phát triển nông nghiệp.

Theo Ủy hội sông Mekong (2009), 6 đập thủy điện của Trung Quốc + 11 đập ở hạ lưu vực + 30 đập trên các chi lưu sẽ tích lại một lượng nước của sông Mekong vào năm 2030 là 65,5 tỷ m³ trong khi *nhu cầu về nước* trong hạ lưu vực vào năm này sẽ tăng 50% so với năm 2000.

Với các đập thủy điện được xây dựng trên sông Mekong phân lãnh thổ Trung Quốc lượng trầm tích của sông Mekong ước tính sẽ bị các đập này giữ lại vào khoảng từ $\frac{1}{3}$ đến $\frac{1}{2}$ của tổng lượng trầm tích bình quân chảy về châu thổ³. Với 11 đập thủy điện dự kiến sẽ xây dựng trên dòng chính trên hạ lưu vực, chỉ còn khoảng $\frac{1}{4}$ lượng trầm tích sẽ được tải về đồng bằng.

+ *Thách thức tại địa bàn*, ngoài việc mất rừng ngập mặn và rừng tràm, còn đến từ khai thác cát trên sông Tiền, sông Hậu làm trầm trọng thêm sự thiếu hụt trầm tích; từ khai thác quá mức nước ngầm làm mất đất sụt lún; từ phát triển nông nghiệp vẫn thiên về số lượng hơn chất lượng dẫn đến tài nguyên đất bị kiệt quệ và tài nguyên nước bị lãng phí, trong khi thu nhập bình quân đầu người ở đồng bằng thấp hơn bình quân cả nước và không ngừng đi xuống từ năm 2000 đến nay.

³ C.THORNE, G.ANNANDALE, J.JENSEN (2011), *Review of Sediment Transport, Morphology, and Nutrient Balance, Part of The MRCS Xayaburi Prior Consultation Project Review Report*, March 2011.

Thách thức tại địa bàn còn đến từ khâu quản lý nhà nước, thừa chồng chéo nhưng thiếu phối hợp; chậm ban hành một cơ chế *phát triển vùng* để tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả vùng; thiếu các chính sách tạo nên sự *liên kết chuỗi* nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản của đồng bằng.

Tại địa bàn còn là *năng suất lao động*, *chất lượng nguồn nhân lực* còn thấp, đồng bằng vẫn còn là một *vùng trũng về giáo dục và đào tạo*, là *cơ giới hóa và hạ tầng cơ sở* chưa tương xứng với tiềm năng của đồng bằng.

+ Liên quan đến *tác động của con người lên châu thổ sông*, trong bối cảnh biến đổi khí hậu nước biển dâng, J.P. Ericson và ctv⁴ cho rằng *mực nước biển dâng thực tế* mới là quan trọng, và tính toán mực nước này bằng công thức:

$$MNBD \text{ thực tế} = MNBD \text{ tương đối} + \text{độ sụt lún tự nhiên} + \text{độ sụt lún gia tốc}$$

trong đó *độ sụt lún tự nhiên* là do quá trình nén dẽ nền đất và do canh tác, *độ sụt lún gia tốc* là do khai thác nước ngầm, khoáng sản trong lòng đất, do xây dựng nhà máy, sân bay, phát triển đô thị, ... nhất là khi nền đất yếu.

Công thức trên đây chỉ ra rằng *tác động của con người tại địa bàn có thể làm trầm trọng thêm tác động của biến đổi khí hậu*, và các thách thức toàn cầu, khu vực và tại địa bàn *không tác động riêng lẻ mà cùng nhau và liên hoàn tác động*, nhân lên hậu quả của các tác hại. Đây là *thách thức tổng hợp* đối với sự phát triển bền vững (PTBV) của đồng bằng.

3. Định hình sự phát triển bền vững ĐBSCL, những điều cơ bản.

(1) Định hình sự phát triển phải đặt trong bối cảnh có *rất nhiều bất định* đến từ biến đổi khí hậu và việc sử dụng nguồn nước trên thượng nguồn, đặc biệt về thủy văn và trầm tích, ảnh hưởng sâu sắc đến *sự ổn định của chính đồng bằng*.

Hệ lụy đầu tiên là mọi dự án công trình phải được tính toán thật kỹ, được phản biện khách quan, khoa học bảo đảm không hối tiếc đầu tư.

(2) Thách thức bị mất trầm tích từ thượng nguồn tải về trong khi mực nước biển dâng ngày càng *rõ rệt và nhanh* là thách thức trầm trọng *mang tính cơ cấu* (structural challenge) đe dọa ngay sự tồn tại của chính đồng bằng về lâu dài.

(3) Phát triển ĐBSCL không thể không tính đến *nước lợ và mặn như là một nguồn tài nguyên*. Phải *phát triển vùng cận duyên và vùng đặc quyền kinh tế* và vị trí địa chính trị của đồng bằng. Không thể phát triển bền vững ĐBSCL mà cứ quay lưng lại với biển và giữ mãi quán tính cây lúa nước ngọt!

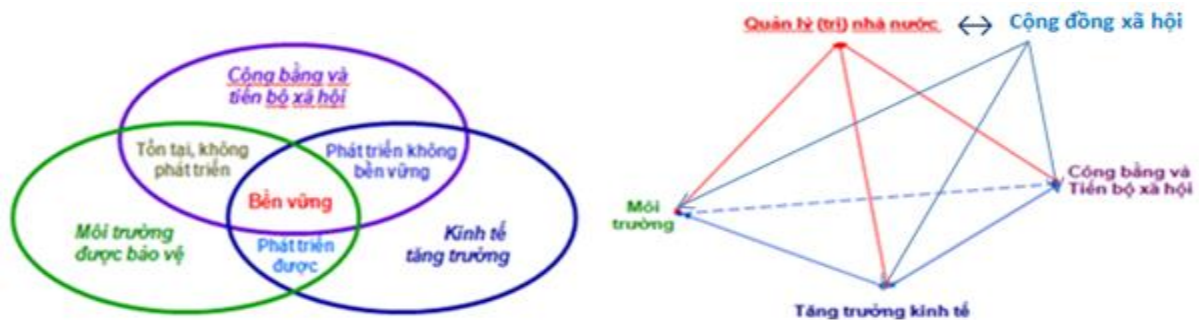
(4) *Nước, năng lượng, sức khỏe, nông nghiệp và đa dạng sinh học* là tối cần thiết cho sinh kế bền vững của con người⁵, có quan hệ mật thiết với nhau và cùng chịu tác động của biến đổi khí hậu.

⁴ J.P. ERICSON, C.J. VOROSMARTY, S.L. DINGMAN, L.G. WARD, M. MEYBAECK (2006) *Effective sea-level rise and deltas: Causes of change and human implications. Global and Planetary Change*, vol. 50, Issues 1-2, pp. 63-82, 02.2006.

⁵ Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về phát triển bền vững (WSSD), Report N0263694, Johannesburg 2002.

Tăng trưởng kinh tế, môi trường được bảo vệ, công bằng và tiến bộ xã hội là ba cột trụ của phát triển bền vững, WSSD 2002 nghị quyết như thế. Có nghĩa là không thể có phát triển bền vững nếu bất cứ một cột trụ nào bị què quặt.

(5) Quản lý nhà nước có vai trò quyết định đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Đầu ra của mọi dự án đầu tư, nhất là đầu tư từ ngân sách nhà nước phải nằm trong phần giao của ba cột trụ. Muốn vậy, phải giải quyết tình trạng “*thừa chồng chéo, thiếu phối hợp*” và phải dứt khoát coi trọng chất lượng hơn số lượng khi đề ra mục tiêu tăng trưởng.



Hình 1. Ba trụ cột của Phát triển bền vững, vai trò của quản lý nhà nước và vai trò của cộng đồng xã hội

(6) Vai trò của cộng đồng xã hội (bao gồm cộng đồng dân cư, các hội, các hình thức hợp tác, các chủ nông hộ, các doanh nghiệp, các viện trường, các nhà khoa học và thông tấn báo chí) cũng quyết định không kém bởi *con người* là một thành tố của môi trường, vừa tác động lên môi trường vì sự sung túc của mình, vừa gánh chịu hậu quả của những tác động đó nếu chúng sai quy luật; và *con người* còn vừa là động lực vừa là đối tượng của phát triển.

(7) Sự đồng điệu giữa quản lý nhà nước và cộng đồng xã hội là nền tảng cho phát triển bền vững. Tạo ra sự đồng điệu đó chính là vai trò của *Nhà nước kiến tạo*.

Một diễn đạt cụ thể, rõ ràng của mệnh đề trên đây là để phát triển bền vững, quy hoạch phải tích hợp được ý kiến của cộng đồng xã hội, qua đó họ thấy phần việc, quyền lợi và trách nhiệm của mình (cá nhân và tập thể), thay cho tình trạng hiện nay, quy hoạch thì cứ quy hoạch, xa lạ đối với họ, còn họ thì cứ “tự làm ăn”, “tự bơi” để rồi lao đao với cảnh “được mùa thì rớt giá”.

Hiểu biết của các chủ nông hộ về kỹ thuật nông lâm ngư nghiệp, về quy luật thị trường và về quản trị kinh doanh sẽ nâng cao chất lượng của quy hoạch tích hợp, là bổ sung cần thiết cho sự nhạy bén với cái mới, giúp cho mỗi nông hộ trở thành một doanh nghiệp siêu nhỏ. Tiến tới mỗi chủ nông hộ đều phải qua đào tạo về các nội dung trên.

4. Bốn điều cấp bách kiến nghị với Chính phủ liên quan đến PTBV ĐBSCL

(1) ĐBSCL đang đối diện với sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng nhiều và nghiêm trọng.

Có ý kiến cho là cần phải nghiêm cấm khai thác cát sông, điều cần *quản lý tốt* hơn là *ng nghiêm cấm*.

Có ý kiến cho là phải có *quy hoạch tổng thể chỉnh trị bờ biển*, phải có *dự án chỉnh trị sông* ở những đoạn bị sạt lở, v.v... Đó là những dự án cực kỳ tốn kém, tác động sâu sắc đến đồng bằng, mà hiệu quả không chắc chắn bởi không chỉ có nguyên nhân tự nhiên mà còn có nguyên nhân kinh tế xã hội. Cần phải nghiên cứu thật kỹ, không chia cắt, thiếu phối hợp, nhìn ngắn hạn, phớt lờ quy luật⁶.

(2) Rà soát lại các quy hoạch tổng thể, ngành, địa phương theo 5 hướng:

(a) Tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả cao nước ngọt, chung sống với mặn và ngập, khai thác nước lợ và nước mặn ở vùng biển chiếm ưu thế; đảm bảo nước ngọt cho sinh hoạt của người dân.

(b) Vì có nhiều yếu tố bất định, trước khi chọn 1 giải pháp công trình, phải tính toán cân cân Được – Mất trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

(c) Rà soát lại *quy hoạch thủy lợi đến năm 2020, tầm nhìn 2050* đã được phê chuẩn trong Quyết định 1397/QĐ-TTg, để phù hợp với bối cảnh mới mà ĐBSCL phải đối diện.

Để có sự thống nhất trên hai vấn đề lớn hiện nay của đồng bằng, cần đánh giá *Được – Mất* của việc *bao đê triệt để* để sản xuất lúa Thu Đông theo Quyết định 101/QĐ-BNN-TT (15.01.2015) của Bộ NN&PTNT trên cả 3 mặt *kinh tế, môi trường và xã hội*; cần tiến hành tương tự đối với *Dự án Ba Lai* trước khi xây các cống Cái Lớn, Cái Bé và sau đó các công Hàm Luông, Cổ Chiên, v.v...

(d) *Quy hoạch nông nghiệp* đảm bảo những vùng sản xuất lúa “ăn chắc”, chất lượng cao, sử dụng ít nước và ít phát thải khí nhà kính, những vùng nuôi trồng thủy sản được thủy lợi hóa, và những vùng rừng ngập mặn, rừng tràm vốn có.

(đ) Rà soát lại *quy hoạch xây dựng và sử dụng không gian* phù hợp với nền đất yếu, dành không gian cần thiết cho giao diện giữa con người và sông, biển.

(3) Theo quy hoạch chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam, vào năm 2030, ĐBSCL sẽ thành trung tâm nhiệt điện than lớn nhất cả nước với tổng công suất là 18.270 MW, ước tính sử dụng hàng chục triệu tấn than/năm. Đây là một quyết định cân nhắc vì hậu quả tai hại đối với môi trường và sức khỏe người dân. Phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) nghiêm túc cho từng nhà máy và báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược (ĐMC) cho các NMNĐ than tại ĐBSCL. *Chủ trương “Không đánh đổi môi trường với tăng trưởng kinh tế” cũng phải được áp dụng cho ĐBSCL.*

(4) Để đảm bảo phát triển bền vững và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công, hồ sơ trình duyệt chủ trương đầu tư phải là những báo cáo nghiên cứu khả thi nghiêm túc, có ĐTM (và ĐMC nếu cần) được phê chuẩn đúng theo quy định của pháp luật. Sửa đổi quy định hiện hành về quy trình phê duyệt chủ trương đầu tư.

⁶ NGUYỄN NGỌC TRÂN (2017), *Sạt lở ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh các thách thức hiện nay*, Báo cáo được mời tại Hội nghị khoa học toàn quốc của Hội Cơ học thủy khí lần thứ 20 tại Cần Thơ, ngày 14.7.2017.

Tuyệt đối không để ngân sách nhà nước bị cài vào tình thế “*đã phóng lao buộc phải theo lao!*”.